

Số: /UBND-GPMT

TP. Kon Tum, ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum tại Văn bản số 282/TTPY-TCHCKHTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 171/TTr-TNMT ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án: Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum của Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum, địa chỉ: Số 283 đường Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum” tại Số 283 đường Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung:**

1.1. Tên chủ cơ sở: Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 283 đường Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Quyết định thành lập: Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Trung tâm Pháp y tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum.

1.4. Mã số thuế: 6101205420.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giám định pháp y.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, cơ sở thuộc loại hình dự án nhóm C.

- Diện tích đất sử dụng: 687,7 m<sup>2</sup>.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

*(Có các Phụ lục 1,2,3 kèm theo)*

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tài nguyên & Môi trường;
- Trung tâm Pháp y tỉnh Kon Tum;
- Phòng TN&MT thành phố;
- UBND Phường Quyết Thắng;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Hùng**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm ..... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt. Phát sinh từ khu vệ sinh của cán bộ, nhân viên, nước vệ sinh sau giám định.

- Nguồn số 02: Nước thải y tế. Phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ phẫu thuật tử thi, phòng xét nghiệm.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn và nước thải y tế phát sinh tại Trung tâm được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Công thoát nước chung của khu vực thành phố Kon Tum.

**2.2. Vị trí xả nước thải:** Nước thải sau xử lý được xả thải ra công thoát nước chung của khu vực thành phố (*thuộc phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*) theo đường ống PVC  $\Phi 90$  dài khoảng 15 m bằng phương thức tự chảy tại vị trí có tọa độ: X = 0554274; Y = 1587652.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 4,2 m<sup>3</sup>/ngày/đêm (*trong đó bao gồm: Nước thải sinh hoạt khoảng 1,2 m<sup>3</sup>/ngày/đêm, nước thải y tế khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày/đêm*).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bằng bom.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A)	
			C	C <sub>max</sub>
1	pH	-	6,5 – 8,5	6,5 – 8,5
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	30	36

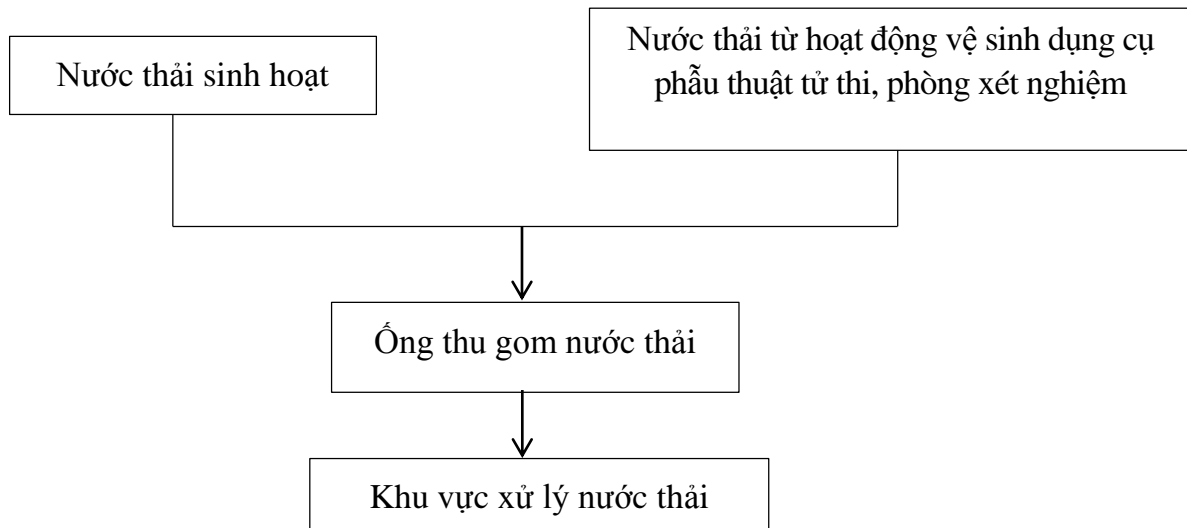
TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A)	
			C	C <sub>max</sub>
3	COD	mg/L	50	60
4	TSS	mg/L	50	60
5	H <sub>2</sub> S	mg/L	1,0	1,2
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/L	5	6
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/L	30	36
8	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/L	6	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10	12
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000	3.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Sơ đồ thu gom, thoát nước thải:



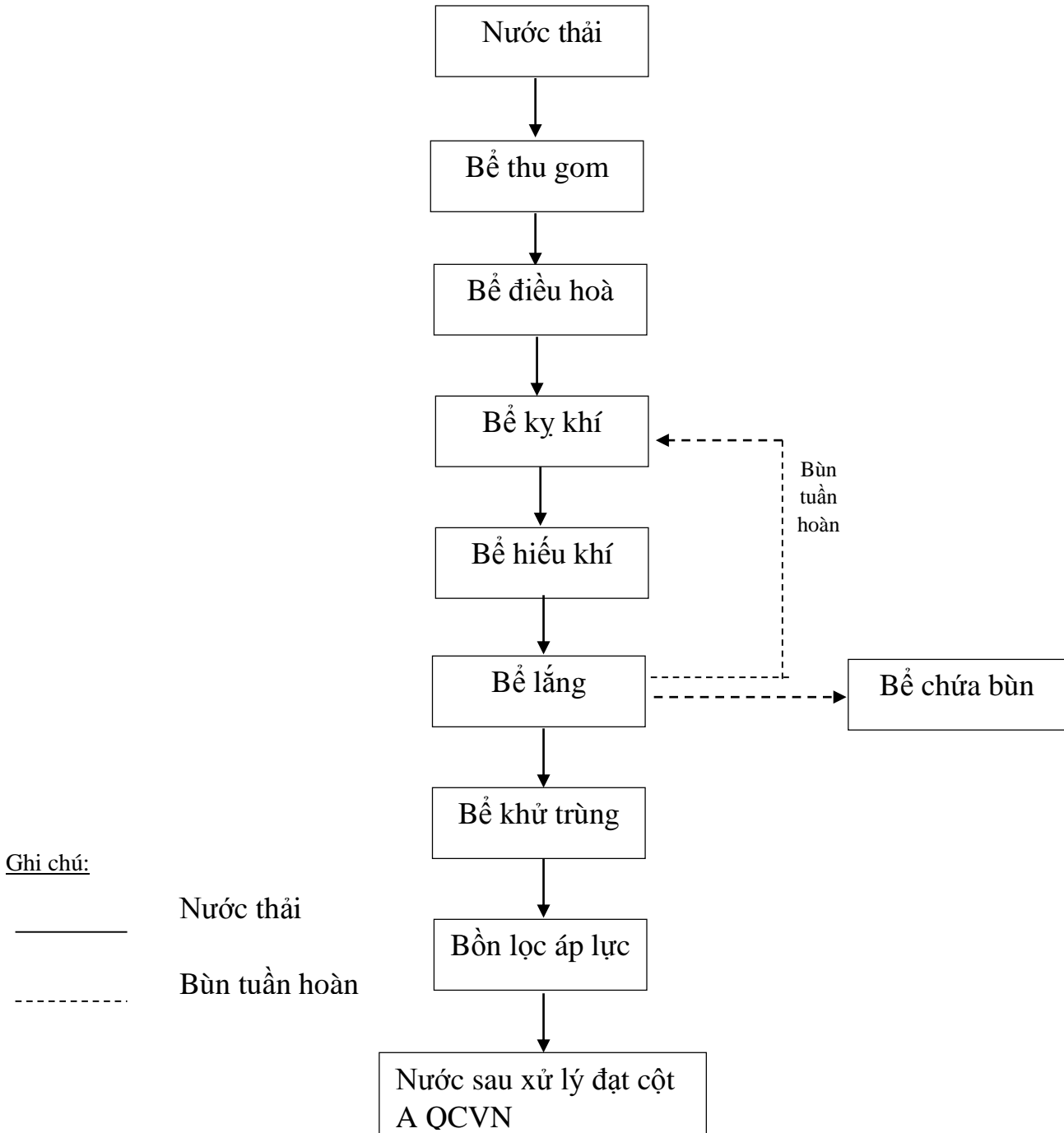
Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên làm việc tại Trung tâm (*rửa tay - chân, vệ sinh cá nhân,...*) nước thải được thu gom bằng đường ống dẫn PVC Φ60 dài 05m về bể tự hoại đặt ngầm tại nhà vệ sinh của Trung tâm có tọa độ X = 1587613, Y = 0554291 để xử lý sơ bộ sau đó nước thải được dẫn bằng đường ống PVC φ114 về hệ thống XLNT tập trung của Trung tâm có tọa độ X= 0554271, Y= 1587614 để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động vệ sinh dụng cụ phẫu thuật tử thi, phòng xét nghiệm phát sinh từ các bồn rửa được thu gom bằng các đường ống uPVC Φ42 dài 3,2m sau đó theo hệ thống ống uPVC Φ60 có tổng chiều dài

25m về hệ thống XLNT tập trung có tọa độ X= 0554271, Y= 1587614. Nước thải sau khi được xử lý đạt cột A QCVN 28:2010/BTNMT, theo đường ống uPVC  $\Phi 90$  dài 20m thoát ra nguồn tiếp nhận tại cống thoát nước chung thành phố Kon Tum tại vị trí có tọa độ: X = 0554274, Y = 1587652.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### a) Tóm tắt quy trình công nghệ:



b) Công suất thiết kế: 5 m<sup>3</sup>/ngày/đêm.

c) Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

**Bảng. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải**

TT	Công trình xử lý	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế	Sau 10 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực	03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	Dự kiến trong thời gian vận hành thử nghiệm, hệ thống xử lý nước thải hoạt động 95 - 100% công suất.

2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

**Bảng. Kế hoạch về thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải tại Trung tâm**

TT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thời gian đo đạc, lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn quy định
1	Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	01 mẫu đơn	05/12/2023	01 lần	Lưu lượng, pH, BOD <sub>5</sub> <sup>20</sup> , COD, TSS, Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S), Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.	QCVN 28:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột A)
2	Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	03 mẫu đơn	Lần 1: 05/12/2023; Lần 2: 06/12/2023; Lần 3: 07/12/2023.	03 lần		

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02

năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



## Phụ lục 2

### **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm ..... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:**

##### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào Trung tâm. Tuy nhiên, tiếng ồn phát sinh không liên tục, chủ yếu chỉ phát sinh trong thời gian ngắn do đó không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:** Khu vực cổng ra vào và sân đường nội bộ của cơ sở.

##### **3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn**

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
		từ 6-21 giờ	từ 6-21 giờ		
1	Tiếng ồn (dBA)	55	45	06 tháng/lần	Khu vực đặc biệt

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**

##### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

Tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Trung tâm. Để hạn chế tác động từ tiếng ồn đến môi trường làm việc, Trung tâm tiến hành các biện pháp sau:

– Quy định cán bộ, nhân viên ra vào Trung tâm phải xuống xe, tắt máy; các phương tiện vận chuyển chạy đúng tốc độ quy định, không được chở quá trọng tải.

– Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển.

– Trồng cây xanh trong khuôn viên Trung tâm.

– Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

##### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ**  
**CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày..... tháng..... năm ..... của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

*Bảng 1. Dự báo thành phần và khối lượng các loại CTNH của cơ sở*

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Tính chất CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	Đ, ĐS	2
2	Pin thải	16 01 12	Rắn	Đ, ĐS, AM	4
3	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	Đ, ĐS	2
	<b>Tổng khối lượng</b>				<b>8</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:  
Không.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 15 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng 60 lít, có nắp đậy và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa: 02 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực chứa chất thải nguy hại: Được thiết kế có mái che, nền cao được lát bê tông đặt nơi có cao trình đảm bảo không bị thấm nước.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng rác 20 lít, có nắp đậy, bố trí tại các khoa, phòng, hành lang.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải được Trung tâm hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định (Hợp đồng dịch vụ thu

gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 197/2021/HĐTGR ngày 18/6/2021.)

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.
- Thực hiện các biện pháp an toàn sử dụng hóa chất.
- Thực hiện các biện pháp về điện.